



TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Báo cáo tài chính riêng cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016



TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thông tin về Tổng Công ty

Các văn bản pháp lý liên quan đến thành lập Tổng Công ty

Quyết định số 250/TTg ngày 29 tháng 4 năm 1995 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam.

Quyết định số 216/2006/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án chuyển Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam sang tổ chức và hoạt động theo mô hình công ty mẹ – công ty con.

Quyết định số 217/2006/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Công ty mẹ – Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam.

Quyết định số 985/QĐ-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Công ty mẹ – Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam thành công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số

0100104595

Ngày 15 tháng 10 năm 2015

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100104595 ngày 15 tháng 10 năm 2015.

Hội đồng Thành viên

Ông Lê Anh Sơn	Chủ tịch
Ông Đỗ Tiến Đức	Thành viên
Ông Nguyễn Đình Chung	Thành viên
Ông Nguyễn Cảnh Tĩnh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Cảnh Tĩnh	Q. Tổng Giám đốc
Ông Lê Triều Thanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Long	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Việt Hoài	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hạnh	Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Số 1 Đào Duy Anh, Phường Phương Mai
Quận Đống Đa, Hà Nội
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 9 đến trang 54 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn; báo cáo tài chính riêng đã thuyết minh đầy đủ các vấn đề liên quan đến đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Nguyễn Cảnh Tĩnh
Q. Tổng Giám đốc

Hà Nội, 26-04-2017



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84-4 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi Chủ sở hữu
TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 26-04-2017 được trình bày từ trang 9 đến trang 54.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.



Cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ

(i) Khả năng thu hồi của các khoản phải thu

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, trong phải thu ngắn hạn của khách hàng, phải thu về cho vay ngắn hạn, phải thu ngắn hạn khác, trả trước cho người bán dài hạn và phải thu dài hạn khác có các khoản phải thu có giá trị ghi sổ lần lượt 19.643 triệu VND, 15.494 triệu VND, 615.035 triệu VND, 49.239 triệu VND và 835 triệu VND là các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu từ các công ty đang làm thủ tục phá sản và một số cá nhân liên quan đến vụ án Ụ nổi 83M đã quá hạn. Tuy nhiên, Ban lãnh đạo Tổng Công ty chưa tiến hành đánh giá khả năng thu hồi của những khoản phải thu này. Chúng tôi không thể thực hiện được những thủ tục kiểm toán thích hợp để xác định khả năng thu hồi của những khoản phải thu đó tại ngày 31 tháng 12 năm 2015. Do số dư đầu năm tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 được mang sang căn cứ trên số liệu báo cáo tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, chúng tôi không thể xác định các điều chỉnh có thể là cần thiết đối với lỗ lũy kế tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, thu nhập khác và lợi nhuận sau thuế TNDN trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như đối với phải thu ngắn hạn của khách hàng, phải thu về cho vay ngắn hạn, phải thu ngắn hạn khác, trả trước cho người bán dài hạn, phải thu dài hạn khác, dự phòng các khoản phải thu khó đòi và lỗ lũy kế trên bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 cũng như chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí khác và lợi nhuận sau thuế TNDN trên báo cáo kết quả kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

(ii) Hàng tồn kho

Chúng tôi được bổ nhiệm là đơn vị kiểm toán cho Tổng Công ty sau ngày 31 tháng 12 năm 2015, do đó chúng tôi đã không tham dự hoạt động kiểm kê hàng tồn kho - nguyên vật liệu của Tổng Công ty với giá trị ghi sổ là 186.646 triệu VND vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Chúng tôi cũng không thể thực hiện được thủ tục kiểm toán thay thế nào để thu thập bằng chứng về số lượng hàng tồn kho này. Do số dư đầu năm tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 được mang sang căn cứ trên số liệu báo cáo tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, chúng tôi không thể xác định các điều chỉnh, có thể là cần thiết trong trường hợp chúng tôi đã tham dự kiểm kê hàng tồn kho - nguyên vật liệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, đối với giá vốn hàng bán và lợi nhuận sau thuế TNDN trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.



Chúng tôi được bổ nhiệm là đơn vị kiểm toán cho Tổng Công ty sau ngày 31 tháng 12 năm 2016, do đó chúng tôi đã không tham dự hoạt động kiểm kê hàng tồn kho - nguyên vật liệu của Tổng Công ty với giá trị ghi sổ là 161.027 triệu VND vào ngày 31 tháng 12 năm 2016. Chúng tôi cũng không thể thực hiện được thủ tục kiểm toán thay thế nào để thu thập bằng chứng về số lượng hàng tồn kho này. Vì vậy, chúng tôi không thể xác định các điều chỉnh, có thể là cần thiết trong trường hợp chúng tôi đã tham dự kiểm kê hàng tồn kho - nguyên vật liệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, đối với các khoản mục hàng tồn kho - nguyên vật liệu và lỗ lũy kế trên bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, giá vốn hàng bán và lợi nhuận sau thuế TNDN trên báo cáo kết quả kinh doanh riêng của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày.

(iii) Thu xác nhận

Cho đến ngày phát hành báo cáo này, chúng tôi chưa thể thu thập được xác nhận phục vụ mục đích kiểm toán từ các bên thứ ba cho một số khoản tiền, phải thu ngắn hạn khác, lãi vay phải trả, phải trả ngắn hạn khác, vay ngắn và dài hạn của Tổng Công ty có giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 tương ứng là 11.858 triệu VND (1/1/2016: Không), 177.986 triệu VND (1/1/2016: 184.122 triệu VND), 442 triệu VND (1/1/2016: 362.527 triệu VND), 51.893 triệu VND (1/1/2016: 619.333 triệu VND) và 44.401 triệu VND (1/1/2016: 2.034.963 triệu VND). Đối với các khoản vay ngắn và dài hạn với tổng trị giá là 96.294 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 này (1/1/2016: 2.654.296 triệu VND), chúng tôi đã thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế để thu thập đầy đủ bằng chứng về tính hiện hữu và tính chính xác của tất cả các khoản vay này; tuy nhiên chúng tôi không thể áp dụng các thủ tục kiểm toán thay thế nào để thu thập đầy đủ bằng chứng về tính đầy đủ của các khoản vay này. Đối với các khoản mục còn lại, chúng tôi không thể áp dụng các thủ tục kiểm toán thay thế nào để thu thập đầy đủ bằng chứng thích hợp về tính đầy đủ, tính hiện hữu và tính chính xác của các khoản mục này. Vì vậy, chúng tôi không thể xác định được các điều chỉnh đối với các khoản mục phải thu ngắn hạn khác, chi phí phải trả ngắn hạn, vay ngắn và dài hạn và lỗ lũy kế trên bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và năm 2015 và các khoản mục doanh thu, chi phí và lợi nhuận sau thuế TNDN trên báo cáo kết quả kinh doanh riêng của Tổng Công ty cho các năm kết thúc cùng ngày, có thể là cần thiết trong trường hợp chúng tôi nhận được đầy đủ xác nhận cho các khoản mục nêu trên.

(iv) Xây dựng cơ bản dở dang

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, trong khoản mục xây dựng cơ bản dở dang của Tổng Công ty có một số dự án với tổng giá trị ghi sổ là 401.056 triệu VND (1/1/2016: 393.866 triệu VND) mà việc thực hiện các dự án này đang bị chậm trễ đáng kể. Tại ngày phát hành báo cáo này, chúng tôi không thu thập được đầy đủ các thông tin liên quan tới việc liệu các lợi ích kinh tế trong tương lai mà Tổng Công ty có thể thu được từ các dự án nói trên có thể bù đắp các chi phí đã phát sinh hay không. Do không có đầy đủ thông tin, chúng tôi không thể xác định được giá trị có thể thu hồi của các dự án này và do đó không thể xác định được liệu các xây dựng cơ bản dở dang này có đủ điều kiện ghi nhận là tài sản hay không cũng như ảnh hưởng tương ứng đối với lỗ lũy kế trên bảng cân đối kế toán riêng của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và năm 2015 và các khoản mục chi phí khác và lợi nhuận sau thuế TNDN trên báo cáo kết quả kinh doanh riêng cho các năm kết thúc cùng ngày.



(v) **Các nghĩa vụ liên quan đến các công ty con sẽ thực hiện phá sản**

Vào các ngày 10 tháng 12 năm 2015, ngày 8 tháng 12 năm 2015 và ngày 25 tháng 12 năm 2015, Tòa án Nhân dân Thành phố Hà Nội, Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Tòa án Nhân dân Tỉnh Cà Mau đã lần lượt tiến hành mở thủ tục phá sản đối với Công ty TNHH Một thành viên Vận tải Viễn Dương Vinashin (“Công ty Vinashinlines”), Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Việt Nam (“Công ty Falcon”) và Công ty TNHH Một thành viên Công nghiệp Tàu thủy Cà Mau (“Công ty CNTT Cà Mau”), ba công ty con của Tổng Công ty, với tỷ lệ sở hữu lần lượt là 100%, 51% và 100%. Liên quan tới Công ty Vinashinlines, vốn đã góp của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 414,3 tỷ VND (1/1/2016: 414,3 tỷ VND), tuy nhiên vốn điều lệ đăng ký của Công ty Vinashinlines, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101995707 ngày 28 tháng 6 năm 2010, là 1.500 tỷ VND. Do đó, Tổng Công ty có thể phát sinh nghĩa vụ phải chịu trách nhiệm về các khoản nợ của Công ty Vinashinlines tương ứng với mức vốn điều lệ đã đăng ký theo quy định trong Luật Doanh nghiệp Việt Nam số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 mặc dù Tổng Công ty chưa góp đủ số vốn điều lệ này.

Ban lãnh đạo Tổng Công ty cũng chưa ước tính những nghĩa vụ nào khác có thể phát sinh liên quan đến việc thực hiện thủ tục phá sản đối với Công ty Vinashinlines, Công ty Falcon và Công ty CNTT Cà Mau. Chúng tôi không thể tiến hành các thủ tục kiểm toán để xác định ảnh hưởng của việc Tổng Công ty chưa đóng góp đủ vốn vào Công ty Vinashinlines cũng như các nghĩa vụ khác của Tổng Công ty có thể phát sinh từ việc phá sản các công ty con trên đối với các báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016. Vì vậy, chúng tôi không thể xác định các điều chỉnh có thể là cần thiết đối với báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 cho vấn đề này.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề được trình bày trong phần Cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến các vấn đề sau:

- Như được trình bày tại Thuyết minh 2(c) của báo cáo tài chính riêng, báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục mặc dù tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, nợ ngắn hạn của Tổng Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn là 645 tỷ VND (1/1/2016: 1.391 tỷ VND). Trong số nợ ngắn hạn có các khoản vay và nợ ngắn hạn các tổ chức tín dụng có giá trị 2.303 tỷ VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (1/1/2016: 2.453 tỷ VND) cần phải hoàn trả trong vòng 12 tháng tới, trong đó có các khoản vay và trái phiếu đã quá hạn nhưng Tổng Công ty chưa hoàn trả được là 615 tỷ VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (1/1/2016: 1.091 tỷ VND).

Trong năm 2016 và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty đã và đang thực hiện nhiều biện pháp tái cơ cấu về tổ chức, kinh doanh và quản lý tài chính theo chủ trương tái cơ cấu Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt về Chiến lược, Kế hoạch đầu tư phát triển và Kế hoạch sản xuất kinh doanh 5 năm giai đoạn 2016 – 2020 của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam bao gồm chủ trương về thoái vốn tại một số công ty con và công ty liên kết và tái cơ cấu các khoản vay đã đến hạn trả hoặc quá hạn.

Tính phù hợp của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này cơ bản tùy thuộc vào việc Tổng Công ty thực hiện thành công việc tái cơ cấu toàn diện, bao gồm việc đạt được thỏa thuận với bên cho vay về việc tái cơ cấu các khoản vay đã quá hạn và các khoản vay đã đến hạn trả và khả năng Tổng Công ty tiếp tục nhận được sự hỗ trợ về mặt tài chính của Chính phủ để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh và thanh toán các khoản nợ đến hạn. Việc đạt được thỏa thuận với bên cho vay về việc tái cơ cấu các khoản vay đã quá hạn và các khoản vay đã đến hạn trả và khả năng Tổng Công ty tiếp tục nhận được sự hỗ trợ về mặt tài chính của Chính phủ là những sự kiện dự kiến sẽ xảy ra trong tương lai mà về bản chất là không chắc chắn. Những điều kiện này, cùng những vấn đề khác được nêu trong Thuyết minh 2(c), cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn có thể dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty.

- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty áp dụng hướng dẫn về xử lý tài chính khi xác định giá trị doanh nghiệp tại Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2014 (“Thông tư 127”). Theo đó, Tổng Công ty không trích lập dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính tại ngày xác định giá trị doanh nghiệp là ngày 31 tháng 12 năm 2016 và các khoản dự phòng đã trích lập trước đó sau khi sử dụng để bù đắp tổn thất theo quy định hiện hành được hoàn nhập vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm. Hướng dẫn này của Thông tư 127 có sự khác biệt với quy định của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam. Ảnh hưởng của vấn đề này tới báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tổng Công ty được trình bày tại Thuyết minh 3(c)(ii), Thuyết minh 3(d) và Thuyết minh 28 trong báo cáo tài chính riêng.



- Như được trình bày tại Thuyết minh 34 trong báo cáo tài chính riêng, một số số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được điều chỉnh lại.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 17-02-041



Nguyễn Thanh Nghị

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 0304-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, **26-04-2017**

Đoàn Thanh Toàn

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 3073-2014-007-1

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND (đã điều chỉnh lại)
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		3.306.688.640.403	3.046.435.248.526
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	627.111.640.063	1.826.470.678.663
Tiền	111		159.511.640.063	149.170.678.663
Các khoản tương đương tiền	112		467.600.000.000	1.677.300.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.125.500.000.000	1.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	1.125.500.000.000	1.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.249.357.118.777	950.336.838.700
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	117.284.458.378	94.536.135.059
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		191.731.808.449	90.254.733.192
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7(a)	17.494.417.983	17.794.417.983
Phải thu ngắn hạn khác	136	8(a)	921.417.867.018	1.087.350.571.986
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(341.027.586.469)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		1.428.566.949	1.428.566.949
Hàng tồn kho	140		216.528.704.616	189.351.163.588
Hàng tồn kho	139	9	216.528.704.616	189.351.163.588
Tài sản ngắn hạn khác	150		88.191.176.947	79.276.567.575
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14(a)	8.376.691.152	5.561.534.556
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		68.217.439.244	60.386.087.868
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	153		11.597.046.551	13.328.945.151

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND (đã điều chỉnh lại)
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		15.602.456.641.766	14.839.925.304.073
Các khoản phải thu dài hạn	210		140.759.430.680	303.464.711.077
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	159.337.000.000
Phải thu về cho vay dài hạn	215	7(b)	112.637.250.000	115.150.250.000
Phải thu dài hạn khác	216	8(b)	28.122.180.680	28.977.461.077
Tài sản cố định	220		5.474.833.146.773	6.919.690.705.555
Tài sản cố định hữu hình	221	10	5.473.147.582.170	6.918.005.313.284
<i>Nguyên giá</i>	222		9.179.337.878.201	10.310.530.576.460
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(3.706.190.296.031)	(3.392.525.263.176)
Tài sản cố định vô hình	227	11	1.685.564.603	1.595.392.271
<i>Nguyên giá</i>	228		4.838.127.558	4.248.372.758
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(3.152.562.955)	(2.652.980.487)
Bất động sản đầu tư	230	12	83.188.356.372	94.199.948.033
<i>Nguyên giá</i>	231		218.642.142.866	223.274.040.541
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(135.453.786.494)	(129.074.092.508)
Tài sản dở dang dài hạn	240		469.075.475.875	577.619.562.698
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	469.075.475.875	577.619.562.698
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5(b)	9.404.126.198.210	6.797.801.449.602
Đầu tư vào các công ty con	251		8.154.798.552.286	8.270.386.642.286
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252		1.224.646.810.390	1.212.957.937.175
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		24.680.835.534	24.438.464.067
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(2.709.981.593.926)
Tài sản dài hạn khác	260		30.474.033.856	147.238.927.108
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	30.474.033.856	147.238.927.108
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		18.909.145.282.169	17.886.360.552.599

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

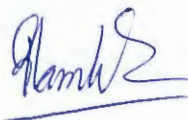
TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND (đã điều chỉnh lại)
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		6.594.910.217.346	7.508.387.453.047
Nợ ngắn hạn	310		3.951.809.580.524	4.437.011.873.128
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	296.710.032.851	204.450.194.079
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		37.177.761.927	30.747.321.853
Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	313		9.154.817.557	6.093.688.962
Phải trả người lao động	314		35.930.218.832	37.942.993.267
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	870.374.805.915	838.994.803.063
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		316.387.647	25.569.106.018
Phải trả ngắn hạn khác	319	17(a)	360.901.193.342	799.895.245.078
Vay và trái phiếu phát hành ngắn hạn	320	18(a)	2.302.791.751.985	2.452.559.643.151
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		38.452.610.468	40.758.877.657
Nợ dài hạn	330		2.643.100.636.822	3.071.375.579.919
Phải trả dài hạn khác	337	17(b)	13.986.113.412	11.726.141.980
Vay và trái phiếu phát hành dài hạn	338	18(b)	2.629.114.523.410	3.059.649.437.939
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		12.314.235.064.823	10.377.973.099.552
Vốn chủ sở hữu	410	19	12.314.235.064.823	10.377.973.099.552
Vốn góp	411		12.824.212.344.622	12.974.920.434.622
Quỹ đầu tư phát triển	418	20	531.343.911.521	531.343.911.521
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		1.687.347.060.876	1.748.323.586.446
Lỗi lũy kế	421		(2.760.214.617.600)	(4.908.161.198.441)
- Lỗi lũy kế đến cuối năm trước	421a		(4.908.386.148.441)	(5.889.690.172.742)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		2.148.171.530.841	981.528.974.301
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		31.546.365.404	31.546.365.404
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		18.909.145.282.169	17.886.360.552.599

26 -04- 2017

Người lập:



Phạm Thị Bình
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Lương Đình Minh
Trưởng ban Tài chính Kế toán




Nguyễn Cảnh Tĩnh
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016****Mẫu B 02 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***PHẦN I: BÁO CÁO LÃI LỖ**

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND (đã điều chỉnh lại)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	1.353.602.349.299	1.702.130.202.472
Giá vốn hàng bán	11	23	2.776.029.483.016	2.037.695.810.445
Lỗ gộp (20 = 01 - 11)	20		(1.422.427.133.717)	(335.565.607.973)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	483.311.028.374	1.421.614.987.667
Chi phí tài chính	22	25	446.862.613.634	891.484.284.626
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23	<i>384.569.440.431</i>	<i>57.255.833.845</i>
Chi phí bán hàng	25	26	31.748.020.235	37.148.541.036
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	202.792.371.249	201.236.862.725
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(1.620.519.110.461)	(43.820.308.693)
Thu nhập khác	31	28	4.043.619.747.793	1.033.058.297.186
Chi phí khác	32	29	274.929.106.491	7.709.014.192
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		3.768.690.641.302	1.025.349.282.994
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		2.148.171.530.841	981.528.974.301
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		2.148.171.530.841	981.528.974.301

26 -04- 2017

Người lập:

Phạm Thị Bình
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Lương Đình Minh
Trưởng ban Tài chính Kế toánNguyễn Cảnh Tinh
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)**

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

PHẦN II: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Mã số	Số còn phải nộp năm trước chuyển sang VND (đã điều chỉnh lại)	Số phát sinh phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/khấu trừ trong năm VND	Số còn phải nộp chuyển sang năm sau VND	
Thuế	10				
Thuế GTGT hàng bán nội địa	11	610.602.970	60.934.410.872	(61.815.089.380)	(270.075.538)
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	12	-	404.454.996	(404.454.996)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	14	-	58.993.469	(58.993.469)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15	(7.968.883.564)	-	-	(7.968.883.564)
Thuế nhà đất	17	1.349.982.237	8.948.486.768	(3.573.815.823)	6.724.653.182
Các loại thuế khác	19				
Thuế môn bài		-	9.000.000	(9.000.000)	-
Thuế thu nhập cá nhân		(1.262.858.379)	2.594.712.592	(2.504.113.787)	(1.172.259.574)
Các loại thuế khác		13.610.255	373.497.213	(142.770.968)	244.336.500
Các khoản phải nộp khác	30				
Các khoản khác	33	22.290.292	-	(22.290.292)	-
	40	(7.235.256.189)	73.323.555.910	(68.530.528.715)	(2.442.228.994)
<i>Trong đó:</i>					
Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước		(13.328.945.151)			(11.597.046.551)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước		6.093.688.962			9.154.817.557

26 -04- 2017

Người lập:



Phạm Thị Bình
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Lương Đình Minh
Trưởng ban Tài chính Kế toán



Nguyễn Cảnh Tĩnh
Q. Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã	Thuyết	2016	2015
	số	minh	VND	VND
				(đã điều chỉnh lại)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		2.148.171.530.841	981.528.974.301
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		787.942.125.208	639.020.753.242
Các khoản dự phòng	03		(3.051.009.180.395)	395.448.364.268
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		39.957.544.268	258.394.133.475
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(211.854.174.602)	(1.291.118.748.614)
Chi phí lãi vay	06		384.569.440.431	57.255.833.845
Thu nhập từ bán nợ	07		(942.884.614.233)	(998.991.182.346)
Các khoản điều chỉnh khác	07		622.453.117.460	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		(222.654.211.022)	41.538.128.171
Biến động các khoản phải thu	09		(67.994.584.681)	(162.335.726.777)
Biến động hàng tồn kho	10		27.327.508.534	18.450.560.815
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		247.595.911.311	(131.277.166.714)
Biến động chi phí trả trước	12		113.949.736.656	(8.675.113.463)
			98.224.360.798	(242.299.317.968)
Tiền lãi vay đã trả	14		(4.659.220.429)	(19.086.178.005)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.306.267.189)	(3.592.775.960)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		91.258.873.180	(264.978.271.933)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(66.486.904.674)	(31.745.091.136)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22		24.765.586.364	1.293.305.438
Tiền chi đầu tư vào các khoản tiền gửi có kỳ hạn	23		(1.124.500.000.000)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		4.100.000.000	11.046.622.619
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(80.000.000.000)	(104.502.500.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		19.740.700.425	1.590.227.924.191
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27		510.413.182.752	168.148.392.279
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(711.967.435.133)	1.634.468.653.391

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

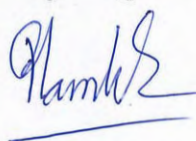
Mẫu B 03 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2016 VND	2015 VND (đã điều chỉnh lại)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	-	24.993.891.747
Tiền trả nợ gốc vay	34	(590.488.518.309)	(1.697.868.953.929)
Tiền thu từ cổ phần hóa		10.958.028.715	947.438.953.290
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(579.530.489.594)	(725.436.108.892)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(1.200.239.051.547)	644.054.272.566
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60 4	1.826.470.678.663	1.179.602.749.954
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	880.012.947	2.813.656.143
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70 4	627.111.640.063	1.826.470.678.663

26 -04- 2017

Người lập:



Phạm Thị Bình
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Lương Đình Minh
Trưởng ban Tài chính Kế toán



Nguyễn Canh Tĩnh
Q. Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam (“Tổng Công ty”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà Nước làm chủ sở hữu được thành lập tại Việt Nam.

Tổng Công ty đang trong giai đoạn xác định lại giá trị doanh nghiệp cho mục đích cổ phần hóa để chuyển đổi từ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sang công ty cổ phần.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty là:

- Kinh doanh vận tải đường biển, đường thủy, đường bộ, đa phương thức;
- Khai thác cảng biển, cảng sông;
- Kinh doanh kho, bãi, dịch vụ logistics; đại lý môi giới cung ứng dịch vụ hàng hải, cung ứng tàu biển, dịch vụ lai dắt tàu biển, tàu sông, đưa đón thuyền viên và các hoạt động hỗ trợ hoạt động đường thủy;
- Sửa chữa phương tiện vận tải biển; sản xuất, mua bán, cho thuê phương tiện và thiết bị vận tải, bốc xếp chuyên ngành;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Xuất khẩu lao động và cung ứng lao động hàng hải cho các tổ chức trong và ngoài nước; và
- Xuất khẩu phương tiện, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu chuyên ngành hàng hải; cung ứng vật tư, nhiên liệu, thực phẩm, nước ngọt.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Các đặc điểm hoạt động có ảnh hưởng lớn đến báo cáo tài chính riêng

Ngày 16 tháng 2 năm 2017, Bộ Giao thông Vận tải ban hành Quyết định số 424/QĐ-BGTVT về việc hủy bỏ kết quả xác định giá trị doanh nghiệp thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013 để cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Theo đó, kết quả xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 để cổ phần hóa ban hành theo Quyết định số 5038/QĐ-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Giao thông Vận tải về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam bị hủy bỏ và Tổng Công ty có trách nhiệm xác định lại giá trị doanh nghiệp tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 để cổ phần hóa và thực hiện điều chỉnh hồi tố các báo cáo tài chính trong giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Công văn số 1516/BTC-TCDN ban hành ngày 7 tháng 2 năm 2017 (“Công văn 1516”) (Thuyết minh 34).

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(e) Cấu trúc Tổng Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 1 tháng 1 năm 2016, Tổng Công ty có Văn phòng Tổng Công ty và 6 đơn vị trực thuộc như sau:

- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam tại Hải Phòng
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh
- Công ty Vận tải biển Vinalines
- Công ty Vận tải biển Container Vinalines
- Công ty Xuất khẩu lao động Hàng hải Vinalines
- Công ty Dịch vụ Hàng hải Vinalines Hải Phòng

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty có 24 công ty con, 14 công ty liên doanh, liên kết (1/1/2016: 26 công ty con, 15 công ty liên doanh, liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh 5(b). Báo cáo tài chính riêng phản ánh các giao dịch của Tổng Công ty và các đơn vị trực thuộc nhưng không bao gồm các giao dịch và số dư của các công ty con.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty có 1.539 nhân viên (1/1/2016: 1.468 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Tổng Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty được lập trên cơ sở hoạt động liên tục mặc dù tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, nợ ngắn hạn của Tổng Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn là 645 tỷ VND (1/1/2016: 1.391 tỷ VND). Hơn nữa, như đã trình bày ở Thuyết minh 18 trong báo cáo tài chính riêng, trong số nợ ngắn hạn là khoản vay và nợ ngắn hạn các tổ chức tín dụng có giá trị 2.303 tỷ VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (1/1/2016: 2.453 tỷ VND) cần phải hoàn trả trong vòng 12 tháng tới, trong đó có các khoản vay và trái phiếu đã quá hạn nhưng Tổng Công ty chưa hoàn trả được là 615 tỷ VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (1/1/2016: 1.091 tỷ VND).

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Trong năm 2016 và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty đã và đang thực hiện nhiều biện pháp tái cơ cấu về tổ chức, kinh doanh và quản lý tài chính theo chủ trương tái cơ cấu Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt về Chiến lược, Kế hoạch đầu tư phát triển và Kế hoạch sản xuất kinh doanh 5 năm giai đoạn 2016 – 2020 của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam bao gồm chủ trương về thoái vốn tại một số công ty con và công ty liên kết và tái cơ cấu các khoản vay đã đến hạn trả hoặc quá hạn.

Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này cơ bản tùy thuộc vào việc Tổng Công ty thực hiện thành công việc tái cơ cấu toàn diện, bao gồm việc tái cơ cấu toàn diện các khoản vay đã quá hạn và các khoản vay đến hạn trả và Tổng Công ty tiếp tục nhận được sự hỗ trợ về mặt tài chính của Chính phủ để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh và thanh toán các khoản nợ đến hạn. Việc đạt được thỏa thuận với bên cho vay về việc tái cơ cấu các khoản vay đã quá hạn và các khoản vay đã đến hạn trả và khả năng Tổng Công ty tiếp tục nhận được sự hỗ trợ về mặt tài chính của Chính phủ là những sự kiện dự kiến sẽ xảy ra trong tương lai mà về bản chất là không chắc chắn. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn có thể dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty.

(d) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(e) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

(ii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

Cho đến trước ngày 31 tháng 12 năm 2016, sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty áp dụng hướng dẫn về xử lý tài chính khi xác định giá trị doanh nghiệp tại Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2014 (“Thông tư 127”). Theo đó, Tổng Công ty không trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính tại ngày xác định giá trị doanh nghiệp là ngày 31 tháng 12 năm 2016 và các khoản dự phòng đã trích lập trước đó sau khi sử dụng để bù đắp tổn thất theo quy định hiện hành được hoàn nhập vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm. Hướng dẫn này của Thông tư 127 có sự khác biệt với quy định của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, theo đó, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư và được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Nếu Tổng Công ty trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính theo đúng quy định của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, dự phòng đầu tư tài chính dài hạn và lỗ lũy kế sẽ tăng 3.544.885 triệu VND, chi phí tài chính sẽ tăng 834.903 triệu VND, thu nhập khác sẽ giảm 2.709.982 triệu VND và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ giảm 3.544.885 triệu VND.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Các khoản phải thu

Cho đến trước ngày 31 tháng 12 năm 2016, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty áp dụng hướng dẫn về xử lý tài chính khi xác định giá trị doanh nghiệp tại Thông tư 127. Theo đó, Tổng Công ty không trích lập dự phòng phải thu khó đòi và các khoản dự phòng đã trích lập trước đó sau khi sử dụng để bù đắp tổn thất theo quy định hiện hành được hoàn nhập vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	20 – 35 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 20 năm
▪ đồ đạc và thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ tài sản cố định khác	3 – 5 năm

Trong năm, Công ty Vận tải biển Vinalines, một đơn vị trực thuộc của Tổng Công ty đã thay đổi thời gian hữu dụng ước tính của tàu Vinalines – Trader, thuộc phương tiện vận chuyển, từ 15 năm sang 7 năm để phản ánh chính xác hơn thời gian hữu dụng của tài sản này. Ảnh hưởng đối với chi phí khấu hao trong năm là làm tăng chi phí khấu hao 163 tỷ VND.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất thể hiện quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Tổng Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không thời hạn.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 5 năm.

(h) Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Tổng Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa, vật kiến trúc 5 – 25 năm

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tổng Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo các quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Chi phí sửa chữa lớn

Chi phí sửa chữa lớn tài sản bao gồm các chi phí chính phát sinh theo định kỳ trong thời gian sử dụng của tài sản. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

(iii) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn còn lại của hợp đồng thuê đất là 36,5 năm.

(iv) Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo giá gốc và phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 đến 3 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Cho đến trước ngày 31 tháng 12 năm 2016, một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty áp dụng hướng dẫn về xử lý tài chính khi xác định giá trị doanh nghiệp tại Thông tư 127. Theo đó, Tổng Công ty không trích lập các khoản dự phòng.

(m) Vốn góp

(i) *Vốn góp từ Chính phủ Việt Nam vào các công ty con là các công ty TNHH một thành viên của Tổng Công ty*

Góp vốn từ Chính phủ Việt Nam vào các công ty con là các công ty TNHH một thành viên của Tổng Công ty được ghi nhận vào tài khoản Vốn góp của Tổng Công ty dựa trên các quyết định của Chính phủ cho phép Tổng Công ty có quyền trực tiếp đại diện quyền sở hữu của Nhà Nước trong các công ty con trong các trường hợp cụ thể.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Thay đổi vốn góp khi thực hiện cổ phần hóa các công ty con là các công ty TNHH một thành viên của Tổng Công ty

Khi các công ty con là các công ty TNHH một thành viên của Tổng Công ty thực hiện việc cổ phần hóa và ghi nhận tăng hay giảm vốn theo giá trị doanh nghiệp được định giá lại khi cổ phần hóa theo các quyết định phê duyệt của cấp cơ quan có thẩm quyền, Tổng Công ty cũng ghi nhận thay đổi tương ứng trong Vốn góp của Tổng Công ty.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác cảng biển, dịch vụ hàng hải và phụ trợ hàng hải

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi dịch vụ được cung cấp. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải biển và cho thuê tàu

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê tàu chuyên được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh riêng theo tiến độ hoàn thành. Tiến độ hoàn thành được xác định dựa trên tỷ lệ phần trăm (%) giữa số ngày đã phát sinh của hành trình so với tổng số ngày ước tính của cả hành trình. Tổng số ngày ước tính của cả hành trình là tổng số thời gian cần thiết để tàu bắt đầu di chuyển từ vị trí hiện tại để tới điểm nhận hàng, và sau đó đến cảng dỡ hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê tàu định hạn được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu không được ghi nhận trong thời gian đình thuê được quy định trong hợp đồng thuê tàu định hạn.

(iv) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(v) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(vi) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan. Các công ty liên quan đề cập tới các công ty con và công ty liên kết của Tổng Công ty.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND (đã điều chỉnh lại)
Tiền mặt	3.893.180.756	5.785.902.003
Tiền gửi ngân hàng	155.618.459.307	143.384.776.660
Các khoản tương đương tiền	467.600.000.000	1.677.300.000.000
	<hr/>	<hr/>
	627.111.640.063	1.826.470.678.663

Tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm 36.694 triệu VND (1/1/2016: 35.329 triệu VND) không sẵn sàng để sử dụng do bị phong tỏa.

5. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi ngân hàng tại một số ngân hàng thương mại cổ phần trong nước với kỳ hạn từ trên ba đến sáu tháng, hưởng lãi suất từ 5,2% - 5,7% (2015: 4,7% - 5,5%) một năm.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) **Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Địa chỉ	Số lượng	31/12/2016		Giá gốc VND	Số lượng	1/1/2016		Giá gốc VND Đã điều chỉnh lại	Dự phòng VND Đã điều chỉnh lại	Giá trị hợp lý VND
			% sở hữu	% quyền biểu quyết			% sở hữu	% quyền biểu quyết			
Đầu tư vào các công ty con											
• Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	Hải Phòng, Việt Nam	302.641.377	92,56%	92,56%	3.026.413.770.000	302.641.377	92,56%	92,56%	3.026.413.770.000	-	3.026.413.770.000
	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam										
• Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn		141.564.906	65,45%	65,45%	1.415.649.060.000	141.564.906	65,45%	65,45%	1.415.649.060.000	-	1.415.649.060.000
• Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam	Hải Phòng, Việt Nam	71.400.000	51,00%	51,00%	714.000.000.000	71.400.000	51,00%	51,00%	714.000.000.000	(464.100.000.000)	249.900.000.000
• Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng	Đà Nẵng, Việt Nam	49.500.000	75,00%	75,00%	495.000.000.000	49.500.000	75,00%	75,00%	495.000.000.000	-	495.000.000.000
• Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn dương Vinashin	Hà Nội, Việt Nam		100%	100%	414.281.112.713		100%	100%	414.281.112.713	(414.281.112.713)	(*)
• Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	35.400.000	60,00%	60,00%	312.000.000.000	35.400.000	60,00%	60,00%	312.000.000.000	(251.820.000.000)	60.180.000.000
• Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ	Cần Thơ, Việt Nam	28.208.500	99,05%	99,05%	282.085.000.000	28.208.500	99,05%	99,05%	282.085.000.000	-	282.085.000.000
	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam		85%	100%	262.514.122.666		85%	100%	262.514.122.666	(34.358.096.940)	(*)
• Công ty TNHH Sửa chữa tàu biển Vinalines											
• Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân	Quảng Ninh, Việt Nam	20.655.000	56,58%	56,58%	206.550.000.000	20.655.000	56,58%	56,58%	206.550.000.000	(154.912.500.000)	51.637.500.000
• Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh	Cam Ranh, Việt Nam	19.823.015	80,90%	80,90%	198.230.150.000	19.823.015	80,90%	80,90%	198.230.150.000	-	198.230.150.000
• Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông	Hà Nội, Việt Nam		100%	100%	124.741.669.664		100%	100%	124.741.669.664	(124.741.669.664)	(*)
• Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh	Nghệ An, Việt Nam	10.973.772	51,00%	51,00%	109.737.720.000	10.973.772	51,00%	51,00%	109.737.720.000	-	109.737.720.000
• Công ty Cổ phần Vinalines Cảng Đình Vũ	Hải Phòng, Việt Nam	10.200.000	51,00%	51,00%	102.000.000.000	10.200.000	51,00%	51,00%	102.000.000.000	-	102.000.000.000
• Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship	Hải Phòng, Việt Nam	10.200.000	51,00%	51,00%	102.000.000.000	10.200.000	51,00%	51,00%	102.000.000.000	(74.460.000.000)	27.540.000.000
• Công ty TNHH MTV DVHH Hậu Giang	Hậu Giang, Việt Nam		100%	100%	91.943.420.843		100%	100%	91.943.420.843	-	(*)
• Công ty Cổ phần Vinalines Logistics	Hà Nội, Việt Nam	8.061.620	56,72%	56,72%	80.616.200.000	8.061.620	56,72%	56,72%	80.616.200.000	-	80.616.200.000
	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam										
• Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	Việt Nam	5.947.800	51,05%	51,05%	59.478.000.000	5.947.800	51,05%	51,05%	59.478.000.000	-	59.478.000.000
• Công ty Cổ phần Vận tải dầu khí Việt Nam	Hà Nội, Việt Nam	-	51,00%	51,00%	51.000.000.000	-	100%	100%	51.000.000.000	(51.000.000.000)	-
• Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải	Hải Phòng, Việt Nam	4.590.000	51,00%	51,00%	40.800.000.000	4.590.000	51,00%	51,00%	40.800.000.000	-	40.800.000.000
• Công ty TNHH Vận tải hàng công nghệ cao	Hà Nội, Việt Nam		56,00%	56,00%	22.751.652.914		56,00%	56,00%	22.751.652.914	-	(*)
	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam										
• Công ty TNHH Khai thác Container Việt Nam			60,00%	60,00%	10.040.838.207		60,00%	60,00%	10.040.838.207	-	(*)
• Công ty Cổ phần Vinalines Nha Trang	Khánh Hòa, Việt Nam	939.558	91,79%	98,34%	9.395.577.676	939.558	91,79%	98,34%	9.395.577.676	(7.516.461.676)	1.879.116.000
• Công ty TNHH MTV CNTT Cà Mau	Cà Mau, Việt Nam		100%	100%	7.844.789.444		100%	100%	7.844.789.444	(7.844.789.444)	(*)
• Công ty Xuất nhập khẩu vật tư đường biển	Hải Phòng, Việt Nam		100%	100%	15.725.468.159		100%	100%	15.725.468.159	(15.725.468.159)	(*)
• Công ty Cổ phần Cảng Nha Trang (i)	Khánh Hòa, Việt Nam				-	15.070.809	61,42%	61,42%	150.708.090.000	-	150.708.090.000
• Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế (ii)	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam				-	4.488.000	51,00%	51,00%	44.880.000.000	(35.904.000.000)	8.976.000.000
					8.154.798.552.286				8.270.386.642.286	(1.636.664.098.596)	

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Địa chỉ	Số lượng	31/12/2016		Giá gốc VND	Số lượng	%	% quyền	1/1/2016		Giá trị hợp lý VND	
		sở hữu	% quyền biểu quyết					Giá gốc VND	Dự phòng VND		
								Đã điều chỉnh lại	Đã điều chỉnh lại		
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết											
• Công ty TNHH Cảng Quốc tế Cái Mép		Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	36,19%	50,00%	401.864.604.000		36,19%	50,00%	401.864.604.000	(401.864.604.000)	(*)
• Công ty Cổ phần Vận tải biển Bắc	9.827.440	Hà Nội, Việt Nam	49,00%	49,00%	105.706.720.000	9.827.440	49,00%	49,00%	105.706.720.000	(93.913.792.000)	11.792.928.000
• Công ty Cổ phần Hàng hải Đông Đô	5.996.573	Hà Nội, Việt Nam	49,14%	49,14%	63.563.757.800	6.016.573	49,14%	49,14%	63.563.757.800	(56.367.870.200)	7.195.887.600
• Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế (ii)		Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	36,00%	36,00%	31.680.000.000						
• Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải & Thương mại	2.880.000	Hải Phòng, Việt Nam	33,49%	33,49%	28.125.000.000	2.880.000	33,49%	33,49%	28.125.000.000	-	28.125.000.000
• Công ty Liên doanh Vận tải quốc tế Nhật Việt		Hải Phòng, Việt Nam	50,00%	50,00%	27.500.000.000		50,00%	50,00%	27.500.000.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài	1.012.500	Hải Phòng, Việt Nam	24,85%	24,85%	24.982.500.000	1.012.500	24,85%	24,85%	24.982.500.000	(4.353.750.000)	20.628.750.000
• Công ty Cổ phần Cảng Khuyến Lương	1.987.734	Hà Nội, Việt Nam	49,00%	49,00%	19.877.340.000	1.987.734	49,00%	49,00%	19.877.340.000	-	19.877.340.000
• Công ty Cổ phần Vận tải biển Hải Âu (Sesco)	1.323.000	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	26,46%	26,46%	13.230.000.000	1.323.000	26,46%	26,46%	13.230.000.000	(2.381.400.000)	10.848.600.000
• Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng hải	377.300	Hà Nội, Việt Nam	49,00%	49,00%	3.773.000.000	377.300	49,00%	49,00%	3.773.000.000	-	3.773.000.000
• Trung tâm Phát triển Nhân lực Đông Nam Á (iii)		Hải Phòng, Việt Nam			-		50,00%	50,00%	3.391.070.271	(3.391.070.271)	(*)
• Trường Cao đẳng nghề Hàng hải Vinalines (iii)		Nghệ An, Việt Nam			-		40,00%	40,00%	17.500.000.000	-	(*)
• Công ty Liên doanh DV Container Quốc tế Cảng Sài Gòn - SSA (SSIT)		Bà Rịa-Vũng Tàu, Việt Nam	11,07%	50,00%	308.865.682.410		11,07%	50,00%	307.965.738.924	(307.965.738.924)	(*)
• Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP-PSA		Bà Rịa-Vũng Tàu, Việt Nam	14,98%	50,00%	153.661.720.000		14,98%	50,00%	153.661.720.000	(153.661.720.000)	(*)
• Công ty TNHH Sửa chữa tàu biển Vinalines Đông Đô		Hải Phòng, Việt Nam	45,56%	45,56%	41.000.000.000		45,56%	45,56%	41.000.000.000	(41.000.000.000)	(*)
• Công ty Cổ phần Cảng Năm Căn	81.649	Cà Mau, Việt Nam	16,77%	49,35%	816.486.180	81.649	16,77%	49,35%	816.486.180	(571.539.180)	244.947.000
					1.224.646.810.390				1.212.957.937.175	(1.065.471.484.575)	

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Địa chỉ	Số lượng	31/12/2016		Giá gốc VND	Số lượng	1/1/2016		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
			% sở hữu	% quyền biểu quyết			% sở hữu	% quyền biểu quyết			
										Đã điều chỉnh lại	Đã điều chỉnh lại
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác											
• Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Hàng hải Hải Phòng	Hải Phòng, Việt Nam	1.099.900	9,17%	9,17%	10.999.000.000	1.099.900	9,17%	9,17%	10.999.000.000	(838.127.465)	10.160.872.535
• Công ty Cổ phần Hàng hải Sài Gòn	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	437.400	12,00%	12,00%	7.434.000.000	437.400	11,79%	11,79%	7.434.000.000	(5.903.100.000)	1.530.900.000
• Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp Tin Nghĩa	Đồng Nai, Việt Nam	300.000	1,00%	1,00%	4.899.000.000	200.000	1,15%	1,15%	4.899.000.000	-	4.899.000.000
• Công ty Liên doanh Gemasa Corporation	Vizcaya, Tây Ban Nha		0,00%	0,00%	1.104.783.290		0,00%	0,00%	1.104.783.290	(1.104.783.290)	(*)
• Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá (iv)	Hải Phòng, Việt Nam				-	50	0,00%	0,00%	333.333	-	333.333
• Công ty Cổ phần Đại lý vận tải Safi (SFI) (iv)	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam				-	14	0,00%	0,00%	186.666	-	186.666
• Công ty Cổ phần Cung ứng Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải (MAC) (iv)	Hải Phòng, Việt Nam				-	8	0,00%	0,00%	1.076.424	-	1.076.424
• Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội (MHC) (iv)	Hải Phòng, Việt Nam				-	5	0,00%	0,00%	64.999	-	64.999
• Công ty Cổ phần Đại lý liên hiệp vận chuyển (iv)	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam				-	1	0,00%	0,00%	19.355	-	19.355
• Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư (Petec)	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	47.844	0,00%	0,00%	244.052.244						
					24.680.835.534				24.438.464.067	(7.846.010.755)	
					9.404.126.198.210				9.507.783.043.528	(2.709.981.593.926)	

- (*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.
- (i) Trong năm 2016, Tổng Công ty chuyển giao 15.070.809 cổ phần của Công ty Cổ phần Cảng Nha Trang, tương ứng với số tiền 150.708.090.000 VND tính theo giá gốc của khoản đầu tư cho Ủy ban Nhân dân Tỉnh Khánh Hòa theo Biên bản chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn ngày 14 tháng 4 năm 2016. Dựa theo hướng dẫn của Công văn số 3593/BGTVT-QLDN ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Bộ Giao thông Vận tải về việc xử lý tài chính liên quan đến chuyển giao Công ty Cổ phần Cảng Nha Trang, Tổng Công ty ghi giảm Vốn góp trong Vốn chủ sở hữu với số tiền tương ứng với giá gốc của khoản đầu tư (Thuyết minh 19).
- (ii) Trong năm 2016, Tổng Công ty chuyển nhượng một phần số cổ phiếu nắm giữ tại Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế. Theo đó, công ty con này chuyển thành một công ty liên kết của Tổng Công ty và khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế được chuyển từ đầu tư vào công ty con sang đầu tư vào công ty liên kết theo tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết còn lại.
- (iii) Trong năm 2016, Trung tâm Phát triển Nhân lực Đông Nam Á hoàn tất thủ tục giải thể theo Thông báo số 46313/16 ngày 14 tháng 12 năm 2016 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng và Trường Cao đẳng nghề Hàng hải Vinalines hoàn tất thủ tục giải thể theo Quyết định số 389/QĐ-LĐTĐ của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.
- (iv) Trong năm 2016, Tổng Công ty đã thực hiện thoái vốn toàn bộ đối với khoản đầu tư vào các đơn vị này.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**(a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn**

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND (đã điều chỉnh lại)
Denmar Chartering & Trading GMBH	16.416.583.145	16.416.583.145
Công ty Cổ phần Vận tải 1 TRACO	3.318.953.217	-
Công ty TNHH Frieslandcampina Việt Nam	2.632.285.920	3.449.240.755
CTP Shipping Pte. Ltd.	-	5.541.960.909
Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại VITRANIMEX	-	2.328.000.000
Các khách hàng khác	94.916.636.096	66.800.350.250
	117.284.458.378	94.536.135.059

(b) Phải thu của khách hàng là các công ty liên quan

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam	3.793.099.037	3.173.033.713
Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông	812.435.650	-
Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship	186.168.640	-
Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	130.599.192	1.093.191
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam - Trung tâm cung ứng thuyền viên	120.763.633	-
Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam	118.153.412	20.148.884
Công ty TNHH Vận tải hàng công nghệ cao	-	219.388.665
Công ty TNHH Khai thác Container Việt Nam	78.856.250	159.124.856
Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác lao động quốc tế	-	140.791.196
Công ty Cổ phần Vinalines Nha Trang	19.568.278	-
Công ty Cổ phần Cảng Vinalines Đình Vũ	770.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng công trình hàng hải (CMB)	-	139.158.483
Công ty Liên Doanh Vận tải Quốc tế Nhật – Việt	-	105.792.630
	5.260.414.092	3.958.531.618

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và thu được khi có yêu cầu.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu về cho vay**(a) Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND (đã điều chỉnh lại)
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Bắc	8.204.191.840	8.504.191.840
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Việt Nam	6.990.226.143	6.990.226.143
Công ty Cổ phần Cảng Năm Căn	2.300.000.000	2.300.000.000
	17.494.417.983	17.794.417.983

Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn không có tài sản đảm bảo, với lãi suất từ 6% - 11,4% (2015: 6% - 11,4%) một năm.

(b) Phải thu về cho vay dài hạn

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND (đã điều chỉnh lại)
Công ty TNHH Cảng quốc tế SP-PSA (*)	112.637.250.000	111.350.250.000
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Bắc	-	3.800.000.000
	112.637.250.000	115.150.250.000

(*) Khoản cho vay trị giá 4.950.000 USD tương ứng với tỷ lệ vốn góp 15% của Tổng Công ty tại Công ty TNHH Cảng quốc tế SP-PSA, một công ty liên doanh của Tổng Công ty, trong khoản vay 33.000.000 USD với các cổ đông của công ty liên doanh này theo hợp đồng vay cổ đông ngày 26 tháng 8 năm 2008. Theo đó, các cổ đông góp vốn vào Công ty TNHH Cảng quốc tế SP-PSA đồng ý cho công ty này vay một số tiền tương ứng theo tỷ lệ vốn góp hiện có. Khoản cho vay này hưởng lãi suất LIBOR 6 tháng + (0,8% - 1,6%)/năm, được hoàn trả khi có yêu cầu hoàn trả của bên cho vay (Thuyết minh 18(b)(i)).

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Các khoản phải thu khác**(a) Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND (đã điều chỉnh lại)
Phải thu về cổ phần hóa (i)	177.328.476.367	179.306.951.378
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	100.816.766.382	267.312.879.369
Phải thu từ lãi cho vay	53.462.354.373	46.236.149.615
Phải thu từ lãi tiền gửi có kỳ hạn	15.788.166.817	3.986.649.570
Phải thu bên liên quan về bàn giao Dự án Cảng Ba Ngòi (ii)	15.026.267.156	24.048.300.696
Phải thu bên liên quan về bàn giao Dự án Cảng Cái Cui (iii)	3.488.103.489	3.488.103.489
Trả hộ cho đơn vị thành viên tiền mua tàu (iv)	107.310.300.181	107.310.300.181
Phải thu các cá nhân liên quan Vụ án Ụ nổi 83M (v)	288.012.436.335	306.683.816.495
Phải thu bảo hiểm tàu (vi)	50.292.970.367	35.269.215.564
Phải thu nhận nợ Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp	50.524.234.309	56.150.602.178
Phải thu về ký cược, ký quỹ ngắn hạn	12.848.621.433	11.618.762.877
Phải thu khác	46.519.169.809	45.938.840.574
	921.417.867.018	1.087.350.571.986

- (i) Khoản này phản ánh phải thu từ việc cổ phần hóa Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam, Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Dịch vụ Cảng Sài Gòn (SPTS), Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship và Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Việt Nam - các công ty con của Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế - một công ty liên kết của Tổng Công ty.
- (ii) Khoản này phản ánh phải thu từ Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh (“Cảng Cam Ranh”), một công ty con của Tổng Công ty, liên quan đến khoản chênh lệch giữa giá trị của dự án và dư nợ gốc và lãi phát sinh từ các khoản vay được sử dụng để tài trợ cho dự án Cảng Ba Ngòi. Dự án này đã được quyết định chuyển giao từ Tổng Công ty sang Cảng Cam Ranh vào ngày 31 tháng 12 năm 2013.
- (iii) Khoản này phản ánh phải thu từ Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ (“Cảng Cần Thơ”), một công ty con của Tổng Công ty, liên quan đến khoản chênh lệch giữa giá trị của dự án và dư nợ gốc và dư nợ lãi phát sinh để tài trợ dự án Cảng Cái Cui. Dự án này đã được quyết định chuyển giao từ Tổng Công ty sang Cảng Cần Thơ vào ngày 26 tháng 9 năm 2014.
- (iv) Khoản này phản ánh nguồn vốn tài trợ của Tổng Công ty cho Công ty Cổ phần Vinalines Nha Trang, một công ty con của Tổng Công ty, cho mục đích mua sắm tàu chở hàng.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (v) Khoản này phản ánh phải thu đối với một số cá nhân liên quan đến dự án mua U nổi 83M do hành vi cố ý làm trái quy định của Nhà Nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng cho Tổng Công ty. Căn cứ theo Quyết định thi hành án dân sự số 65/QĐ.CTHA ngày 24 tháng 10 năm 2015 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội, các bị cáo phải liên đới bồi thường cho Tổng Công ty số tiền theo phán quyết của tòa án, đồng thời còn phải chịu lãi suất trên số tiền phải bồi thường chưa thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà Nước quy định.
- (vi) Khoản này phản ánh phải thu tiền bảo hiểm của các đơn vị trực thuộc Tổng Công ty đối với các Công ty Bảo hiểm Dầu khí Khu vực Duyên Hải, Công ty Bảo hiểm Bảo Minh Bến Thành, Công ty Bảo hiểm Bảo Việt Kiên Giang, Công ty Bảo hiểm PJICO, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt và Công ty Bảo Minh Thăng Long.

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND (đã điều chỉnh lại)
Phải thu nhận nợ Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp	25.470.184.934	25.470.184.934
Ký quỹ dài hạn	2.250.782.433	1.961.785.943
Phải thu dài hạn khác	401.213.313	1.545.490.200
	<hr/>	
	28.122.180.680	28.977.461.077
	<hr/>	

9. Hàng tồn kho

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND (đã điều chỉnh lại)
Hàng mua đang đi trên đường	119.955.536	2.465.228.594
Nguyên vật liệu	161.027.123.692	186.646.263.159
Công cụ và dụng cụ	83.216.468	225.404.111
Hàng hóa (*)	55.298.408.920	14.267.724
	<hr/>	
	216.528.704.616	189.351.163.588
	<hr/>	

- (*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, hàng hóa bao gồm 54.505 triệu VND giá trị tàu Vinalines – Global được chuyển từ Tài sản cố định hữu hình trong năm (Thuyết minh 10) theo quyết định thanh lý tàu số 564/QĐ-HHVN ngày 14 tháng 12 năm 2016. Việc thanh lý tàu này đã được hoàn thành vào ngày 10 tháng 1 năm 2017.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Đồ đạc và thiết bị văn phòng VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm – đã điều chỉnh lại	113.092.050.414	188.687.321.013	9.821.103.499.664	187.407.650.369	240.055.000	10.310.530.576.460
<i>Số dư đầu năm – theo báo cáo trước đây</i>	<i>143.502.065.477</i>	<i>187.422.741.384</i>	<i>8.851.890.617.013</i>	<i>187.057.417.192</i>	<i>240.055.000</i>	<i>9.370.112.896.066</i>
<i>Điều chỉnh hồi tố (Thuyết minh 34)</i>	<i>(30.410.015.063)</i>	<i>1.264.579.629</i>	<i>969.212.882.651</i>	<i>350.233.177</i>	-	<i>940.417.680.394</i>
Tăng trong năm	-	522.390.000	1.367.031.668	1.478.186.681	-	3.367.608.349
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	19.933.267.001	-	-	-	-	19.933.267.001
Thanh lý	-	(90.483.416)	(353.804.000)	-	-	(444.287.416)
Xóa sổ	(1.530.466.604)	-	-	-	-	(1.530.466.604)
Phân loại lại	-	(69.286.746.738)	249.417.734.431	(180.130.987.693)	-	-
Chuyển sang hàng tồn kho (*)	-	-	(1.152.518.819.589)	-	-	(1.152.518.819.589)
Số dư cuối năm	131.494.850.811	119.832.480.859	8.919.015.642.174	8.754.849.357	240.055.000	9.179.337.878.201
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm – đã điều chỉnh lại	36.369.061.752	131.823.274.404	3.098.684.127.775	125.611.829.189	36.970.056	3.392.525.263.176
<i>Số dư đầu năm – theo báo cáo trước đây</i>	<i>44.120.793.789</i>	<i>127.207.263.868</i>	<i>5.516.933.932.852</i>	<i>124.149.837.684</i>	<i>36.970.056</i>	<i>5.812.448.798.249</i>
<i>Điều chỉnh hồi tố (Thuyết minh 34)</i>	<i>(7.751.732.037)</i>	<i>4.616.010.536</i>	<i>(2.418.249.805.077)</i>	<i>1.461.991.505</i>	-	<i>(2.419.923.535.073)</i>
Khấu hao trong năm	6.877.922.209	6.447.341.588	767.179.274.594	528.303.487	30.006.876	781.062.848.754
Thanh lý	-	(71.972.939)	(353.804.000)	-	-	(425.776.939)
Xóa sổ	(1.530.466.604)	-	-	-	-	(1.530.466.604)
Phân loại lại	-	(41.796.324.174)	161.941.360.667	(120.145.036.493)	-	-
Chuyển sang hàng tồn kho (*)	-	-	(465.441.572.356)	-	-	(465.441.572.356)
Số dư cuối năm	41.716.517.357	96.402.318.879	3.562.009.386.680	5.995.096.183	66.976.932	3.706.190.296.031
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm – đã điều chỉnh lại	76.722.988.662	56.864.046.609	6.722.419.371.889	61.795.821.180	203.084.944	6.918.005.313.284
Số dư cuối năm	89.778.333.454	23.430.161.980	5.357.006.255.494	2.759.753.174	173.078.068	5.473.147.582.170

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có các tài sản có nguyên giá 80.040 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2016: 1.712 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 2.506.953 triệu VND (1/1/2016: 2.769.617 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng Công ty.

(*) Trong năm, Công ty Vận tải biển Vinalines, một đơn vị trực thuộc của Tổng Công ty chuyển một tài sản cố định hữu hình là tàu Vinalines – Global sang hàng tồn kho theo quyết định thanh lý tàu số 564/QĐ-HHVN ngày 14 tháng 12 năm 2016.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm – đã điều chỉnh lại	397.725.529	3.850.647.229	4.248.372.758
<i>Số dư đầu năm – theo báo cáo trước đây</i>	<i>8.785.920.000</i>	<i>3.850.647.229</i>	<i>12.636.567.229</i>
<i>Điều chỉnh hồi tố (Thuyết minh 34)</i>	<i>(8.388.194.471)</i>	<i>-</i>	<i>(8.388.194.471)</i>
Tăng trong năm	-	589.754.800	589.754.800
Số dư cuối năm	397.725.529	4.440.402.029	4.838.127.558
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm – đã điều chỉnh lại	397.725.529	2.255.254.958	2.652.980.487
<i>Số dư đầu năm – theo báo cáo trước đây</i>	<i>-</i>	<i>2.255.254.958</i>	<i>2.255.254.958</i>
<i>Điều chỉnh hồi tố (Thuyết minh 34)</i>	<i>397.725.529</i>	<i>-</i>	<i>397.725.529</i>
Khấu hao trong năm	-	499.582.468	499.582.468
Số dư cuối năm	397.725.529	2.754.837.426	3.152.562.955
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm – đã điều chỉnh lại	-	1.595.392.271	1.595.392.271
Số dư cuối năm	-	1.685.564.603	1.685.564.603

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 1.383 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (1/1/2016: 254 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 1 tháng 1 năm 2016, tài sản cố định vô hình là toàn bộ quyền sử dụng đất được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Bất động sản đầu tư

**Nhà cửa,
vật kiến trúc
VND**

Nguyên giá

Số dư đầu năm – đã điều chỉnh lại	223.274.040.541
Số dư đầu năm – theo báo cáo trước đây	474.647.664.777
Điều chỉnh hồi tố (Thuyết minh 34)	(251.373.624.236)
Giảm nguyên giá sau quyết toán trong năm	(4.631.897.675)

Số dư cuối năm 218.642.142.866

Giá trị hao mòn lũy kế

Số dư đầu năm – đã điều chỉnh lại	129.074.092.508
Số dư đầu năm – theo báo cáo trước đây	90.269.805.355
Điều chỉnh hồi tố (Thuyết minh 34)	38.804.287.153
Khấu hao trong năm	6.379.693.986

Số dư cuối năm 135.453.786.494

Giá trị còn lại

Số dư đầu năm – đã điều chỉnh lại	94.199.948.033
Số dư cuối năm	83.188.356.372

Bất động sản đầu tư của Tổng Công ty phản ánh giá trị của Trung tâm Thông tin Thương mại Hàng hải Quốc tế Hà Nội (Tòa nhà Ocean Park) tại Số 1 Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội và giá trị của tòa nhà Vimadeco Building tại Số 163 Nguyễn Văn Trỗi, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh đang sử dụng để cho thuê.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, bất động sản đầu tư của Tổng Công ty là Tòa nhà Ocean Park với giá trị còn lại là 82.362 triệu VND (1/1/2016: 93.285 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng Công ty.

Tổng Công ty không thực hiện việc xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê do không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Xây dựng cơ bản dở dang

	2016 VND	2015 VND (đã điều chỉnh lại)
Số dư đầu năm – đã điều chỉnh lại	577.619.562.698	613.393.641.722
Số dư đầu năm – theo báo cáo trước đây	577.619.562.698	665.478.952.822
Điều chỉnh hồi tố (Thuyết minh 34)	-	(52.085.311.100)
Tăng trong năm	176.066.015.637	8.327.813.028
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(19.933.267.001)	(26.835.839.472)
Thanh lý	(245.283.834.826)	-
Xóa sổ	(17.959.025.301)	-
Chuyển giao dự án cho các công ty liên quan	-	(12.016.395.590)
Góp vốn đầu tư vào công ty con bằng tài sản	-	(5.249.656.990)
Giảm khác	(1.433.975.332)	-
Số dư cuối năm	469.075.475.875	577.619.562.698

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND (đã điều chỉnh lại)
Công trình Cảng Vân Phong – Tỉnh Khánh Hòa (*)	150.236.124.777	147.083.296.561
Đóng tàu 47.500 DWT 1 (*)	111.831.394.225	109.649.463.511
Đóng tàu 47.500 DWT 2 (*)	106.833.521.596	106.799.348.494
Đóng tàu 1.800 TEU 1 (HV-02) V22 (*)	23.130.112.392	24.209.851.681
Dự án Cảng Lạch Huyện (*)	20.947.173.657	19.100.071.159
Dự án khu đất Nhật Tân (*)	6.242.420.796	6.242.420.796
Dự án Trung tâm hàng hải miền Trung tại Nghệ An (*)	2.312.991.186	2.312.991.186
Đóng tàu 22.500 DWT BV-12VNL Mercy (*)	1.656.422.399	1.435.132.820
Các dự án khác đã dừng thi công (*)	2.652.734.239	5.204.559.285
Bãi Công ty Dịch vụ Hàng hải Vinalines Hải Phòng	26.647.005.057	32.192.458.777
Công trình kho bãi container tại Hải Phòng	7.652.765.445	-
Hệ thống nâng hạ xe ô tô hầm B1	2.948.167.500	-
Đóng tàu 1.800 TEU 2 (HV-03) V21	-	67.451.976.629
Đóng tàu 22.500 DWT BV-10VNL Liberty	-	27.378.527.819
Đóng tàu 22.500 DWT BV-10VNL Victory	-	19.033.792.581
Dự án tại Huyện Yên Hưng, Tỉnh Quảng Ninh	-	2.828.179.200
Các dự án khác	5.984.642.606	6.697.492.199
Số dư cuối năm	469.075.475.875	577.619.562.698

(*) Cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty đã quyết định dừng mọi hoạt động liên quan đến các dự án này. Trong đó, một số dự án đang trong quá trình chờ quyết toán để bàn giao cho các bên khác.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND (đã điều chỉnh lại)
Phí bảo hiểm	7.016.952.835	2.541.028.749
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.359.738.317	3.020.505.807
	8.376.691.152	5.561.534.556

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Giá trị thương hiệu Tổng Công ty VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí sửa chữa lớn VND	Chi phí đất trả trước VND	Chi phí khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm – đã điều chỉnh lại	-	252.910.048	144.258.215.513	-	2.727.801.547	147.238.927.108
Số dư đầu năm – theo báo cáo trước đây	4.829.820.688	1.388.903.443	144.558.819.242	-	4.216.931.907	154.994.475.280
Điều chỉnh hồi tố (Thuyết minh 34)	(4.829.820.688)	(1.135.993.395)	(300.603.729)	-	(1.489.130.360)	(7.755.548.172)
Tăng trong năm	-	530.487.773	49.329.449.542	27.878.400.000	2.811.472.923	80.549.810.238
Phân bổ trong năm	-	(783.397.821)	(193.445.912.279)	(763.791.781)	(2.321.601.609)	(197.314.703.490)
Số dư cuối năm	-	-	141.752.776	27.114.608.219	3.217.672.861	30.474.033.856

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Phải trả người bán ngắn hạn**(a) Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn**

	Giá gốc	
	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND (đã điều chỉnh lại)
Công ty TNHH MTV Đóng tàu Hạ Long	95.667.897.492	67.382.319.005
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 1 Hà Nội (HACC1)	13.238.259.941	9.104.756.649
Công ty Cổ phần Hoá dầu Petrolimex – Chi nhánh Hoá dầu Sài Gòn	7.902.410.388	5.357.832.862
Zhoushan Xinya Shipyard Co., Ltd	-	13.918.012.240
Công ty TNHH SK Engineering & Construction	-	11.553.544.874
Công ty TNHH Fratelli Cosulich Bunker (HK)	-	6.828.576.306
Các nhà cung cấp khác	179.901.465.030	90.305.152.143
	296.710.032.851	204.450.194.079

(b) Phải trả người bán ngắn hạn là các công ty liên quan

	Giá gốc	
	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn	6.798.623.712	2.556.744.958
Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng	1.740.331.042	452.177.626
Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ	298.863.400	272.569.440
Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship	107.608.142	177.748.889
Công ty Cổ phần Hàng hải Sài Gòn	3.520.488.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam	2.638.841.065	-
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	1.661.611.165	-
Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông	270.500.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân	125.660.415	-
Công ty TNHH Khai thác Container Việt Nam	77.655.075	-
Các công ty liên quan khác	-	108.225.400
	17.240.182.016	3.567.466.313

Khoản phải trả đối với các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi có yêu cầu.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND (đã điều chỉnh lại)
Lãi vay phải trả (*)	857.719.255.505	579.421.134.033
Lãi trái phiếu phải trả	-	214.086.894.145
Chi phí xây dựng phải trả	2.329.134.523	12.182.792.419
Chi phí trích trước khác	10.326.415.887	33.303.982.466
	870.374.805.915	838.994.803.063

(*) Trong lãi vay phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có lãi vay của các khoản vay đến hạn nhưng chưa được thanh toán với số tiền 123.853 triệu VND (1/1/2016: 166.810 triệu VND).

17. Các khoản phải trả khác**(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND (đã điều chỉnh lại)
Kinh phí công đoàn và các khoản bảo hiểm	4.715.214.365	6.975.462.082
Khoản phải trả liên quan đến cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông	190.000.000.000	-
Phải trả Công ty TNHH Sửa chữa tàu biển Vinalines liên quan đến chi phí sửa chữa Ụ nổi 83M	90.498.253.106	81.385.258.917
Tiền thanh lý tàu thu hộ cho Công ty TNHH Một thành viên Vận tải Viễn Dương Vinashin	33.803.221.272	33.506.588.044
Góp vốn bằng nhận nợ với Tổng Công ty Xây dựng Số 1 (CC1)	19.899.378.351	19.899.378.351
Các khoản nợ được Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (“DATC”) mua lại	-	616.166.228.729
Tiền cổ tức tạm nộp của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	-	20.000.000.000
Phải trả Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh về khoản phân phối lợi nhuận	-	3.022.033.540
Các khoản phải trả khác	21.985.126.248	18.940.295.415
	360.901.193.342	799.895.245.078

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Phải trả dài hạn khác**

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND (đã điều chỉnh lại)
Các khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	13.986.113.412	11.726.141.980

(c) Các khoản phải trả khác chi tiết theo các công ty liên quan

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông	190.000.000.000	-
Công ty TNHH Sửa chữa tàu biển Vinalines	90.498.253.106	81.385.258.917
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải Viễn Dương Vinashin	33.803.221.272	32.816.345.341
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	-	20.000.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh	-	3.022.033.540
	314.301.474.378	137.223.637.798

Khoản phải trả các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi suất và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***18. Vay và trái phiếu phát hành****(a) Vay và trái phiếu phát hành ngắn hạn**

	Giá trị ghi sổ - theo báo cáo trước đây VND	1/1/2016		Biến động trong năm			31/12/2016
		Điều chỉnh hồi tố (Thuyết minh 34) VND	Giá trị ghi sổ - đã điều chỉnh lại VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá	Giá trị ghi sổ VND
Vay ngắn hạn	356.487.083.281	1.374.244.371	357.861.327.652	-	(3.905.163.085)	590.584.618	354.546.749.185
Vay dài hạn đến hạn trả 18(b)(i)	1.749.398.165.340	41.955.425.159	1.791.353.590.499	143.147.384.608	-	13.744.027.693	1.948.245.002.800
Trái phiếu đáo hạn trong 12 tháng	303.344.725.000	-	303.344.725.000	-	(303.344.725.000)	-	-
	2.409.229.973.621	43.329.669.530	2.452.559.643.151	143.147.384.608	(307.249.888.085)	14.334.612.311	2.302.791.751.985

Trong các khoản vay ngắn hạn và trái phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có các khoản đến hạn nhưng chưa được thanh toán với số tiền 614.937 triệu VND (1/1/2016: 1.090.852 triệu VND).

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND (đã điều chỉnh lại)
Ngân hàng TMCP Đại Dương – Hội sở	VND	12% - 18%	147.434.936.521	147.434.936.521
Ngân hàng TMCP Đại Dương – Chi nhánh Hà Nội	VND	12% - 18%	155.424.323.688	159.329.486.773
Ngân hàng TMCP Đại Dương – Sở giao dịch	USD	4,5%	51.687.488.976	51.096.904.358
			354.546.749.185	357.861.327.652

Các khoản vay ngắn hạn được đảm bảo bằng bất động sản đầu tư của Tổng Công ty với giá trị còn lại là 82.362 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (1/1/2016: 93.285 triệu VND).

(b) Vay và trái phiếu phát hành dài hạn

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND (đã điều chỉnh lại)
Vay dài hạn (Thuyết minh 18(b)(i))	4.577.359.526.210	4.851.003.028.438
Trái phiếu thường	-	303.344.725.000
	4.577.359.526.210	5.154.347.753.438
Khoản đã quá hạn hoặc đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(1.948.245.002.800)	(2.094.698.315.499)
	2.629.114.523.410	3.059.649.437.939

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND (đã điều chỉnh lại)
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng	VND	3% - 7,8%	2028	1.732.655.014.592	1.752.289.930.500
Khoản vay đồng tài trợ do Ngân hàng Cathay United là đầu mối	USD	LIBOR 6 tháng + 2%	2019 - 2020	1.201.726.668.924	1.239.647.320.761
Ngân hàng Cathay United (**)	USD	(b) + 2,5%	2020	370.571.006.879	-
Ngân hàng Indovina (**)	USD	(b) + 2,5%	2024	113.658.277.317	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Chương Dương (**)	USD	(b) + 2,5%	2024	-	478.696.451.241
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quang Trung	USD	LIBOR 6 tháng + 3,25%	2017	-	189.323.563.545
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng	VND	(a) + 3%	2021	87.200.538.880	92.400.538.880
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	USD	(b) + 2,3%	2020	-	18.832.614.020
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	VND	(a) + 3%	2020	-	19.900.000.000
Ngân hàng TMCP Đại Dương – Hội sở	USD	(b) + 3%	2021	319.216.289.330	315.568.943.706
Ngân hàng TMCP Việt Á	USD	(b) + 3%	2016	76.618.360.050	75.517.964.500
Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Hà Nội	USD	SIBOR 3 tháng + 2,5%	2016	9.093.138.975	8.989.240.222
Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Hồ Chí Minh	USD	(b) + 3,2%	2018	490.916.825.100	485.420.054.900
Công ty PSA Vietnam Pte. Ltd. (*)	USD	LIBOR 3 tháng + (0,8% - 1,6%)		112.637.250.000	111.350.250.000
Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp	VND	0%	2020	63.066.156.163	63.066.156.163
				4.577.359.526.210	4.851.003.028.438
Khoản vay đã quá hạn hoặc đến hạn trả trong vòng 12 tháng				(1.948.245.002.800)	(1.791.353.590.499)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				2.629.114.523.410	3.059.649.437.939

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (a) Lãi suất tiền gửi tiết kiệm VND 12 tháng; (b) Lãi suất tiền gửi tiết kiệm USD 12 tháng của các ngân hàng tương ứng.
- (*) Khoản vay tương ứng với số tiền 4.950.000 USD theo hợp đồng cho vay ngày 26 tháng 8 năm 2008 giữa các cổ đông của Công ty TNHH Cảng quốc tế SP-PSA, một công ty liên doanh mà Tổng Công ty và Công ty PSA Vietnam Pte. Ltd. đều là các cổ đông của công ty này; theo đó, Tổng Công ty vay số tiền này từ Công ty PSA Việt Nam Pte. Ltd. và cho Công ty TNHH Cảng quốc tế SP-PSA vay lại. Theo các điều khoản của hợp đồng vay, khoản vay chịu lãi suất LIBOR + (0,8% - 1,6%)/năm, được hoàn trả sau khi Công ty TNHH Cảng quốc tế SP-PSA bắt đầu kinh doanh có lãi và hoàn trả hết các khoản vay từ các tổ chức tín dụng khác. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty nhận định kết quả kinh doanh của Công ty TNHH Cảng quốc tế SP-PSA sẽ vẫn lỗ trong vòng 12 tháng tới (Thuyết minh 7(b)).
- (**) Trong năm 2016, số dư còn lại của khoản vay của Tổng Công ty với Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh Chương Dương đã được chuyển giao lại toàn bộ thành khoản vay với Ngân hàng Indovina và Ngân hàng Cathay United với cùng điều kiện như khoản vay cũ.

Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty với tổng giá trị còn lại là 2.506.953 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (1/1/2016: 2.769.617 triệu VND).

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn góp VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp VND	Lỗ lũy kế VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2015 – đã điều chỉnh lại, chưa kiểm toán	12.711.468.861.973	-	531.343.911.521	921.206.427.334	(5.912.763.598.587)	31.546.365.404	8.282.801.967.645
Số dư tại ngày 1/1/2015 – theo báo cáo trước đây	5.479.417.788.907	3.488.475.211.568	141.210.865	398.659.221.675	(715.268.240.722)	-	8.651.425.192.293
Điều chỉnh hồi tố:							
- Điều chỉnh Vốn góp và các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu về thời điểm trước khi xác định giá trị doanh nghiệp	4.585.187.943.278	-	531.202.700.656	515.300.935.278	(5.663.237.944.616)	31.546.365.404	-
- Hủy kết quả xác định giá trị doanh nghiệp	2.646.863.129.788	(3.488.475.211.568)	-	7.246.270.381	465.742.586.751	-	(368.623.224.648)
Tăng vốn Nhà nước vào các công ty con đã cổ phần hoá trong năm	264.615.413.449	-	-	-	-	-	264.615.413.449
Lợi nhuận thuần trong năm – đã điều chỉnh lại	-	-	-	-	981.528.974.301	-	981.528.974.301
Lãi vay của những năm trước với các ngân hàng thương mại được giảm trong năm	-	-	-	-	27.847.984.499	-	27.847.984.499
Phải thu từ cổ phần hóa các công ty con	-	-	-	836.066.736.368	-	-	836.066.736.368
Điều chỉnh khoản phải thu từ cổ phần hóa các công ty con sau khi quyết toán vốn	-	-	-	(26.654.792.611)	-	-	(26.654.792.611)
Lãi từ tiền gửi của quỹ	-	-	-	3.118.356.640	-	-	3.118.356.640
Lãi trả chậm từ khoản phải thu từ cổ phần hóa	-	-	-	14.586.858.715	-	-	14.586.858.715
Biến động khác	(1.163.840.800)	-	-	-	(4.774.558.654)	-	(5.938.399.454)
Số dư tại ngày 1/1/2016 – đã điều chỉnh lại	12.974.920.434.622	-	531.343.911.521	1.748.323.586.446	(4.908.161.198.441)	31.546.365.404	10.377.973.099.552
Giảm vốn Nhà nước do chuyển giao công ty con (*)	(150.708.090.000)	-	-	-	-	-	(150.708.090.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	2.148.171.530.841	-	2.148.171.530.841
Phải thu từ cổ phần hóa các công ty con	-	-	-	1.851.459.273	-	-	1.851.459.273
Điều chỉnh khoản phải thu từ cổ phần hóa các công ty con sau khi quyết toán vốn	-	-	-	(78.704.002.961)	-	-	(78.704.002.961)
Lãi từ tiền gửi của quỹ	-	-	-	4.773.705.048	-	-	4.773.705.048
Lãi trả chậm từ khoản phải thu từ cổ phần hóa	-	-	-	11.102.313.070	-	-	11.102.313.070
Biến động khác	-	-	-	-	(224.950.000)	-	(224.950.000)
Số dư tại ngày 31/12/2016	12.824.212.344.622	-	531.343.911.521	1.687.347.060.876	(2.760.214.617.600)	31.546.365.404	12.314.235.064.823

(*) Trong năm 2016, Tổng Công ty ghi giảm Vốn góp do việc chuyển giao cổ phần của Công ty Cổ phần Cảng Nha Trang về Ủy ban Nhân dân Tỉnh Khánh Hòa (Thuyết minh 5(b)).



TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***20. Quỹ đầu tư phát triển**

Theo quy định về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp của Bộ Tài chính, Tổng Công ty được trích tối đa 30% lợi nhuận chưa phân phối vào Quỹ đầu tư phát triển của Tổng Công ty.

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản cam kết tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động với giá thuê cố định và không được hủy ngang như sau:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Trong vòng một năm	3.576.557.628	3.352.157.628
Trong vòng hai đến năm năm	4.220.761.256	4.174.561.256
	7.797.318.884	7.526.718.884

Ngoài các cam kết thuê nêu trên, ngày 30 tháng 3 năm 1999, Tổng Công ty ký hợp đồng thuê đất không được hủy ngang số 18-99/ĐC-HĐTĐTN với Sở Địa chính Hà Nội để thuê khoảnh đất với diện tích 6.851 mét vuông tại Số 1A Giải Phóng, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Hà Nội và thời hạn thuê là 50 năm kể từ ngày 25 tháng 6 năm 1998. Hợp đồng thuê đất này có thời hạn ổn định đơn giá thuê đất gần nhất là từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 5 tháng 6 năm 2017. Hết thời hạn này, đơn giá thuê đất được điều chỉnh lại theo các quy định hiện hành.

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2016		1/1/2016	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	3.011.839	68.534.390.756	3.339.765	73.107.449.283
EUR	74	1.818.229	74	1.818.229
SGD	-	-	788	12.608.406
		68.536.208.985		73.121.875.918

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Cam kết góp vốn

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty có các cam kết góp vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Đã được duyệt và thể hiện trong giấy phép đăng ký kinh doanh của các đơn vị nhận góp vốn	974.690.272.480	1.243.218.887.287

22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	2016 VND	2015 VND
Doanh thu từ:		
▪ Dịch vụ vận tải biển	1.168.705.280.713	1.510.809.833.785
▪ Khai thác cảng biển và dịch vụ hàng hải	34.992.746.780	49.323.815.183
▪ Dịch vụ cho thuê văn phòng, khai thác tòa nhà	78.344.492.431	47.217.514.325
▪ Kinh doanh xăng dầu	46.052.405.137	63.015.935.444
▪ Khác	25.507.424.238	31.763.103.735
	<u>1.353.602.349.299</u>	<u>1.702.130.202.472</u>

23. Giá vốn hàng bán

	2016 VND	2015 VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Dịch vụ vận tải biển	2.011.580.080.329	1.884.139.835.476
▪ Khai thác cảng biển và dịch vụ hàng hải	31.929.856.481	52.926.870.999
▪ Dịch vụ cho thuê văn phòng, khai thác tòa nhà	35.582.995.181	21.592.683.540
▪ Kinh doanh xăng dầu	43.509.353.673	60.927.015.214
▪ Điều chỉnh giảm giá hàng tồn kho – tàu Vinalines – Global theo giá bán đã thỏa thuận	632.572.197.671	-
▪ Khác	20.854.999.681	18.109.405.216
	<u>2.776.029.483.016</u>	<u>2.037.695.810.445</u>

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***24. Doanh thu hoạt động tài chính**

	2016	2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi và cho vay	91.552.780.475	69.176.267.941
Cổ tức được chia	372.249.285.504	268.810.302.862
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	403.163.558	636.393.169.692
Lãi hoán đổi các khoản phải thu	-	404.219.371.999
Lãi chênh lệch tỷ giá	18.752.556.105	41.460.564.319
Doanh thu hoạt động tài chính khác	353.242.732	1.555.310.854
	<hr/>	<hr/>
	483.311.028.374	1.421.614.987.667

25. Chi phí tài chính

	2016	2015
	VND	VND
		(đã điều chỉnh lại)
Chi phí lãi vay và lãi trái phiếu	384.569.440.431	57.255.833.845
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-	395.448.364.268
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	13.855.270.695	106.837.721.843
Lỗ chênh lệch tỷ giá	45.514.972.839	315.600.186.784
Phí giao dịch chứng khoán	1.024.238.770	14.213.548.794
Chi phí tài chính khác	1.898.690.899	2.128.629.092
	<hr/>	<hr/>
	446.862.613.634	891.484.284.626

26. Chi phí bán hàng

	2016	2015
	VND	VND
Chi phí hoa hồng	24.274.825.644	34.828.161.896
Chi phí quảng cáo	4.025.365.424	875.869.466
Chi phí bán hàng khác	3.447.829.167	1.444.509.674
	<hr/>	<hr/>
	31.748.020.235	37.148.541.036

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2016	2015
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	114.041.839.046	106.040.545.112
Chi phí vật liệu quản lý	2.494.365.804	1.287.351.950
Chi phí đồ dùng văn phòng	3.773.573.704	1.199.031.840
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.493.104.643	4.308.603.572
Thuế, phí và lệ phí	6.782.236.960	4.361.775.807
Xử lý nợ phải thu khó đòi	-	8.508.284.106
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.273.118.925	28.023.517.509
Các chi phí khác	42.934.132.167	47.507.752.829
	202.792.371.249	201.236.862.725

28. Thu nhập khác

	2016	2015
	VND	VND
		(đã điều chỉnh lại)
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	2.709.981.593.926	-
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi (*)	341.027.586.469	-
Thu nhập từ bán nợ (**)	942.884.614.233	998.991.182.346
Gốc trái phiếu được miễn	-	19.366.388.412
Thu nhập từ thanh lý xây dựng cơ bản dở dang	10.311.296.655	-
Gốc vay được miễn	10.119.080.211	-
Tiền thù lao thu của đại diện vốn góp của Tổng Công ty	4.141.251.182	3.556.739.440
Thu nhập từ bồi hoàn bảo hiểm	3.946.083.922	-
Lãi được xóa của lô tàu 1.500 containers đã thanh lý	1.319.913.105	-
Tiền thu từ đối tác vi phạm hợp đồng	453.635.992	55.011.800
Thu nhập từ cho thuê tài sản	872.013.802	264.000.007
Các khoản khác	18.562.678.296	10.824.975.181
	4.043.619.747.793	1.033.058.297.186

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty áp dụng hướng dẫn về xử lý tài chính khi xác định giá trị doanh nghiệp tại Thông tư 127. Theo đó, Tổng Công ty không trích lập các khoản dự phòng và các khoản dự phòng đã trích lập trước đó sau khi sử dụng để bù đắp tổn thất theo quy định hiện hành được hoàn nhập vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm.

(**) Thu nhập từ bán nợ thể hiện phần chênh lệch giữa số tiền Tổng Công ty nhận nợ với Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam và giá trị khoản nợ gốc và lãi vay phải trả các tổ chức tín dụng đã quyết toán trong năm.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***29. Chi phí khác**

	2016 VND	2015 VND
Thanh lý xây dựng cơ bản dở dang	230.930.580.281	-
Xây dựng cơ bản dở dang xóa sổ trong năm	17.959.025.301	-
Tiền phạt chậm nộp và truy thu thuế	997.988.427	3.478.469.486
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	-	9.030.449
Các khoản khác	25.041.512.482	4.221.514.257
	<hr/>	
	274.929.106.491	7.709.014.192
	<hr/>	

30. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất kinh doanh	469.444.945.408	582.472.751.441
Chi phí nhân công	253.879.129.456	221.478.274.692
Chi phí khấu hao	787.942.125.208	639.020.753.242
Chi phí dịch vụ mua ngoài	687.837.506.807	530.098.379.925
Chi phí khác	811.301.625.088	303.011.054.906
	<hr/>	

31. Thuế thu nhập**(a) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2016 VND	2015 VND (đã điều chỉnh lại)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	2.148.171.530.841	981.528.974.301
	<hr/>	
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	429.634.306.168	215.936.374.346
Chi phí không được khấu trừ thuế	92.202.064	515.621.657
Thu nhập không bị tính thuế	(74.449.857.101)	(59.138.266.630)
Lỗ tính thuế được sử dụng	(355.276.651.131)	(157.313.729.373)
	<hr/>	
	-	-
	<hr/>	

(b) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà Nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế từ năm 2016 (2015: 22%).

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2016 VND	2015 VND
Công ty con		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	40.975.040.931	13.003.033.492
Mua hàng hóa và dịch vụ	31.973.240.998	54.677.280.058
Cổ tức/(lợi nhuận) được chia	360.505.488.182	223.353.880.000
Chuyển giao dư nợ phải trả và dư gốc vay liên quan đến dự án Cảng Cái Cui cho công ty con	-	77.854.314.728
Miễn giảm lãi cho vay	-	25.472.117.668
Phải thu về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp từ cổ phần hóa	12.953.772.343	834.176.933.830
Quyết toán cổ phần hóa công ty con	78.704.002.961	-
Thu nhập từ lãi cho vay	1.993.819.418	7.619.918.404
Thu hồi tiền cho vay vốn ngắn hạn và dài hạn	-	9.546.622.619
Công ty liên doanh, liên kết		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	14.388.462.196	260.104.669
Mua hàng hóa và dịch vụ	30.191.196.577	30.833.510.701
Cổ tức được chia	11.293.797.322	10.731.812.784
Thu nhập từ lãi cho vay	904.307.881	3.663.116.022
Thu hồi tiền cho vay	4.100.000.000	-
Thành viên Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc		
Lương và thưởng	4.302.000.000	4.507.000.000

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2016	2015
	VND	VND
Chuyển giao cổ phần của Công ty Cổ phần Cảng Nha Trang về Ủy ban Nhân dân Tỉnh Khánh Hòa	150.708.090.000	-
Xây dựng cơ bản dở dang mua chưa thanh toán	113.536.474.112	-
Bù trừ khoản phải trả các công ty con với cổ tức phải thu từ các công ty con này	100.735.815.709	-
Gốc vay được miễn	10.119.080.211	-
Giảm vốn đầu tư vào các công ty con khi các công ty con này thực hiện cổ phần hóa	-	958.687.976.836
Tặng vốn đầu tư tại công ty con thông qua hình thức nhận nợ với bên thứ ba	-	19.899.414.351
Gốc vay trái phiếu được miễn	-	19.366.388.412
Điều chỉnh giảm vốn đầu tư vào công ty con do định giá lại giá trị tài sản góp vốn	-	326.420.021.037
Bù trừ khoản vay ngắn và dài hạn bằng khoản phải thu từ chuyển nhượng cổ phần	-	505.566.474.593
Chuyển giao giá trị Dự án Cảng Cái Cui cho công ty con	-	12.016.395.590
Chuyển giao gốc vay và dư lãi vay liên quan đến dự án Cảng Cái Cui cho công ty con	-	77.854.314.728
Bù trừ khoản vay ngắn hạn và dài hạn ngân hàng với khoản phải thu khác	-	168.339.500

34. Số liệu so sánh

Như trình bày tại Thuyết minh 1(d), trong năm, Tổng Công ty thực hiện điều chỉnh lại một số khoản mục trên báo cáo tài chính riêng tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Công văn 1516. Theo đó, Tổng Công ty điều chỉnh lại các khoản mục này cho các nghiệp vụ liên quan đến cổ phần hóa phát sinh trong giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 mà Tổng Công ty đã hạch toán theo quy định áp dụng cho doanh nghiệp đang trong giai đoạn cổ phần hóa có sự khác biệt với quy định của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được điều chỉnh lại như sau:

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(a) Bảng cân đối kế toán riêng

	Theo báo cáo trước đây VND	1/1/2016 Điều chỉnh hồi tố VND	Đã điều chỉnh lại VND
Tiền	147.148.417.997	2.022.260.666	149.170.678.663
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	93.650.345.230	885.789.829	94.536.135.059
Trả trước cho người bán ngắn hạn	89.175.331.160	1.079.402.032	90.254.733.192
Phải thu về cho vay ngắn hạn	83.398.463.311	(65.604.045.328)	17.794.417.983
Phải thu ngắn hạn khác	1.016.492.566.993	70.858.004.993	1.087.350.571.986
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	-	(341.027.586.469)	(341.027.586.469)
Hàng tồn kho	189.418.493.702	(67.330.114)	189.351.163.588
Chi phí trả trước ngắn hạn	5.598.615.938	(37.081.382)	5.561.534.556
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	13.382.425.151	(53.480.000)	13.328.945.151
Phải thu về cho vay dài hạn	112.155.500.000	2.994.750.000	115.150.250.000
Phải thu dài hạn khác	28.937.833.577	39.627.500	28.977.461.077
Tài sản cố định hữu hình	3.557.664.097.817	3.360.341.215.467	6.918.005.313.284
<i>Nguyên giá</i>	9.370.112.896.066	940.417.680.394	10.310.530.576.460
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	(5.812.448.798.249)	2.419.923.535.073	(3.392.525.263.176)
Tài sản cố định vô hình	10.381.312.271	(8.785.920.000)	1.595.392.271
<i>Nguyên giá</i>	12.636.567.229	(8.388.194.471)	4.248.372.758
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	(2.255.254.958)	(397.725.529)	(2.652.980.487)
Bất động sản đầu tư	384.377.859.422	(290.177.911.389)	94.199.948.033
<i>Nguyên giá</i>	474.647.664.777	(251.373.624.236)	223.274.040.541
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	(90.269.805.355)	(38.804.287.153)	(129.074.092.508)
Xây dựng cơ bản dở dang	629.704.873.798	(52.085.311.100)	577.619.562.698
Đầu tư vào các công ty con	7.509.317.427.586	761.069.214.700	8.270.386.642.286
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	1.223.217.696.869	(10.259.759.694)	1.212.957.937.175
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25.279.669.944	(841.205.877)	24.438.464.067
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-	(2.709.981.593.926)	(2.709.981.593.926)
Chi phí trả trước dài hạn	154.994.475.280	(7.755.548.172)	147.238.927.108
Phải trả người bán ngắn hạn	203.385.746.985	1.064.447.094	204.450.194.079
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	28.172.311.017	2.575.010.836	30.747.321.853
Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	6.147.168.962	(53.480.000)	6.093.688.962
Phải trả người lao động	37.943.235.267	(242.000)	37.942.993.267
Chi phí phải trả ngắn hạn	825.700.086.204	13.294.716.859	838.994.803.063
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	24.882.127.617	686.978.401	25.569.106.018
Phải trả ngắn hạn khác	799.166.754.905	728.490.173	799.895.245.078
Vay và trái phiếu phát hành ngắn hạn	2.409.229.973.621	43.329.669.530	2.452.559.643.151
Phải trả dài hạn khác	11.701.396.275	24.745.705	11.726.141.980
Vay và trái phiếu phát hành dài hạn	3.022.981.854.709	36.667.583.230	3.059.649.437.939
Vốn góp	5.492.855.894.051	7.482.064.540.571	12.974.920.434.622
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	3.396.857.586.351	(3.396.857.586.351)	-
Quỹ đầu tư phát triển	141.210.865	531.202.700.656	531.343.911.521
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	1.236.854.587.135	511.468.999.311	1.748.323.586.446
Lỗ lũy kế	(363.031.750.758)	(4.545.129.447.683)	(4.908.161.198.441)
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	-	31.546.365.404	31.546.365.404

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	2015		
	Theo báo cáo trước đây VND	Điều chỉnh hồi tố VND	Đã điều chỉnh lại VND
Doanh thu hoạt động tài chính	1.217.371.539.722	204.243.447.945	1.421.614.987.667
Chi phí tài chính	340.615.564.517	550.868.720.109	891.484.284.626
Thu nhập khác	34.067.114.840	998.991.182.346	1.033.058.297.186
Lợi nhuận kế toán trước thuế	329.163.064.119	652.365.910.182	981.528.974.301
Lợi nhuận sau thuế TNDN	329.163.064.119	652.365.910.182	981.528.974.301

(c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng

	2015		
	Theo báo cáo trước đây VND	Điều chỉnh hồi tố VND	Đã điều chỉnh lại VND
Các khoản dự phòng	-	395.448.364.268	395.448.364.268
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	172.273.777.634	86.120.355.841	258.394.133.475
Lãi từ hoạt động đầu tư	(1.156.175.300.669)	(134.943.447.945)	(1.291.118.748.614)
Thu nhập từ bán nợ	-	(998.991.182.346)	(998.991.182.346)
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	791.395.477	2.022.260.666	2.813.656.143



26 -04- 2017

Người lập:

Phạm Thị Bình
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Lương Đình Minh
Trưởng ban Tài chính Kế toán



Nguyễn Cảnh Tĩnh
Q. Trưởng Giám đốc